

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 84/2021/DS-ST

Ngày: 09 -12-2021

*"V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản"*.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Lanh**.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đinh Minh Phương**.

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia  
phiên tòa.*

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST – DS ngày 02 tháng 3  
năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra  
xét xử số: 212/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân  
dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu V** – sinh năm 1967 (có mặt).

*- Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và  
tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Bà có cho chị Nguyễn Thị T vay tiền và vàng nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Vào tháng 6 năm 2018 bà có cho chị T vay 01 chỉ vàng 24K;

Lần 2: Ngày 30/3/2019 bà có cho chị T vay số tiền là 51.000.000đ;

Lần 3: Ngày 01/01/2020 bà có cho chị T vay số tiền là 20.000.000đ;

Tổng cộng bà cho chị T vay số tiền là 71.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K. Do  
bà và chị T quen biết nhau nên tất cả các lần bà cho chị T vay tiền và vàng đều  
không có làm biên nhận nợ chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Hai bên thỏa thuận  
lãi suất tiền vay là 01%/tháng, lãi suất vàng vay là 50.000đ/tháng, đối với số tiền

vay là 71.000.000đ thì chị T đóng cho bà được 03 tháng tiền lãi với số tiền là 2.130.000đ còn 01 chỉ vàng 24K thì chị T không có đóng lãi cho bà. Thời gian trả tiền và vàng vay hai bên không có thỏa thuận chỉ nói là chị T sẽ trả tiền vay và vàng trả dần cho bà. Đến khi bà có nhu cầu thu hồi tiền vay vốn và vàng thì bà có đến gặp chị T để yêu cầu chị T trả tiền vay và vàng vay nhưng chị T không trả cho bà.

Nay bà V yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả lại cho bà số tiền vay là 71.000.000đ bà đồng ý trừ lại 2.130.000đ số tiền lãi mà bà đã nhận cho chị T nên chị T phải trả cho bà số tiền vay còn lại là 68.870.000đ và 01 chỉ vàng 24K, bà không yêu cầu tính lãi.

\* Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 15/4/2021 chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị có vay tiền và vàng của bà V nhiều lần cụ thể như sau:

- Tháng 8/2014 chị có vay của chị V là 30.000.000đ, lãi suất là 1.500.000đ/tháng, chị đóng lãi từ tháng 8/2014 đến tháng 11/2019 là 94.500.000đ.

- Ngày, tháng không nhớ vào năm 2014 chị có vay của bà V là 01 chỉ vàng 24K, lúc đầu lãi suất là 50.000đ/tháng, chị đóng được vài tháng thì chị không nhớ, lúc sau lãi suất là 100.000đ/tháng, chị đóng lãi từ tháng 8/2017 đến tháng 3/2020 là 6.000.000đ.

- Tháng 8/2017 chị có vay của bà V là 15.000.000đ, lãi suất là 1.050.000đ, chị đóng lãi từ tháng 8/2017 đến tháng 3/2020 là 33.600.000đ.

- Tháng 11/2018 chị có vay của bà V là 18.000.000đ, lãi suất là 1.440.000đ/tháng, chị đóng lãi từ tháng 11/2018 đến tháng 3/2020 là 24.480.000đ.

- Tháng 3/2019 chị có vay của bà V là 5.000.000đ, lãi suất là 600.000đ/tháng và sau vay thêm 3.000.000đ, lãi suất là 150.000đ/tháng, chị đóng lãi từ tháng 3/2019 đến tháng 3/2020 là 9.000.000đ.

Tất cả các lần chị vay tiền và vàng của bà V đều không có làm biên nhận, khi chị đóng lãi cho bà V do chị trực tiếp đưa tiền lãi cho bà V cũng không có làm biên nhận.

Tổng cộng chị có vay của bà V số tiền là 71.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K và nhưng chị đã đóng lãi cho bà V tổng cộng số tiền là 167.580.000đ. Chị thống nhất thừa nhận là chị còn nợ bà V số tiền vay vốn là 71.000.000đ và số vàng là 01 chỉ vàng 24K. Nay bà V yêu cầu chị phải trả lại cho bà V số tiền vay vốn là 68.870.000đ và 01 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi thì chị không đồng ý mà chị yêu cầu bà V phải khấu trừ vào số tiền lãi là 167.580.000đ vào số tiền vốn 71.000.000đ.

\* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Biên nhận; Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Chứng minh nhân dân.  
*Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng dân sự:**

Bà Nguyễn Thị Thu V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà V và chị Nguyễn Thị T. Chị T có nơi cư trú tại ấp Trường Thọ, xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Hợp đồng vay tài sản giữa bà V và chị T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà V trình bày bà cho chị T vay tiền và vàng nhiều lần tổng cộng số tiền là 71.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K, sau đó thì chị T đóng cho bà được 03 tháng tiền lãi với số tiền là 2.130.000đ đối với số tiền vốn 71.000.000đ còn đối với số vàng 01 chỉ vàng 24K thì chị T không có đóng lãi cho bà. Nay bà V yêu cầu chị T phải trả lại cho bà V số tiền vay vốn là 68.870.000đ và 01 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi. Chị T trình bày chị có vay tiền và vàng của bà V nhiều lần nhưng các lần vay vào các ngày, tháng năm thì không thống nhất theo lời trình bày của bà V. Chị T thống nhất thừa nhận là chị có vay tiền của bà V tổng cộng là 71.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K.

Xét việc vay tiền và vàng giữa bà V và chị T không có biên nhận nhưng chị T cũng thống nhất là có vay tiền và vàng của bà V nhiều lần tổng cộng là 71.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K nên việc bà V có cho chị T vay 71.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K là có thật. Chị T trình bày chị đã đóng lãi đối với số tiền và vàng vay cho bà V tổng cộng là 167.580.000đ nay chị yêu cầu bà V phải khấu trừ số tiền lãi 167.580.000đ vào số tiền vốn 71.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K. Ngày 15/4/2021 Tòa án ra quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ yêu cầu chị T cung cấp chứng cứ chứng minh chị đã đóng tiền lãi cho bà V số tiền lãi là 167.580.000đ nhưng chị T không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện chị đã

đóng lãi cho bà V số tiền trên nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu của chị T về việc chị đã đóng lãi cho bà V. Bà V thừa nhận chị T có đóng lãi cho bà V được 03 lần với số tiền là 2.130.000đ đối với số tiền vốn 71.000.000đ còn đối với số vàng 01 chỉ vàng 24K thì chị T không có đóng lãi cho bà và bà đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận là 2.130.000đ vào số tiền vốn nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà V là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự buộc chị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà V số tiền vay là 68.870.000đ và 01 chỉ vàng 24K. Đối với số tiền 68.870.000đ bà V không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.698.500đ

Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền vay là 68.870.000đ (Sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) và 01 (Một) chỉ vàng 24K, bà Nguyễn Thị Thu V không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

***Án phí dân sự sơ thẩm:***

Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.698.500đ (Ba triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu V tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.912.000đ (Một triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup>0008867, ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Phạm Thị Lanh**